TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH TÂN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 02 - 02 - 2024
V/v tranh chấp "ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Đức

2. Ông Lê Minh Thư

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí - là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bé Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2023; về tranh chấp: "*ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2023/QĐXX-ST ngày 22 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Bích T**, sinh năm 1998. ĐKTT: ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Tạm trú: số D, Quốc lộ A, phường L, thành phố T, TP . (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Dương Hoài L**, sinh năm 1993. Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/8/2023 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T trình bày: Chị và anh Dương Hoài L qua quen biết tìm hiểu nhau, được sự chấp thuận của gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào năm 2014. Đăng ký kết hôn ngày 03/10/2016 tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Vợ chồng chung sống ở ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long, hạnh phúc được khoảng 04 năm. Có 01 con chung tên Dương Gia T1, sinh ngày 18/10/2015, hiện sống với anh L. Trong thời gian chung sống vợ chồng chị không tạo lập được tài sản chung nào; vợ chồng không thiếu nợ ai và cũng không cho ai mượn nợ. Mâu thuẫn phát

sinh là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống do anh L không chí thú làm ăn, thường hay ăn chơi, thậm chí anh L còn sử dụng ma túy. Chị đã nhiều lần cố gắng khuyên can anh L sửa đổi để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng đều không thành. Hiện mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh Dương Hoài L. Về con chung: Dương Gia T1, sinh ngày 18/10/2015, chị yêu cầu giải quyết cho anh L được quyền nuôi con, chị không cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị không còn yêu cầu nào khác.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/12/2023 bị đơn anh Dương Hoài L trình bày:* Anh và chị Nguyễn Thị Bích T qua quen biết tìm hiểu nhau, được sự chấp thuận của gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào năm 2014; đăng ký kết tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Vàng cưới: 05 chỉ vàng 24K gồm 01 đôi bông, 01 dây chuyền và 01 lắc tay; số vàng này anh chị đã tiêu xài hết, không còn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm ở ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Có 01 con chung tên Dương Gia T1, sinh ngày 18/10/2015, hiện sống với anh. Anh thống nhất theo lời trình bày của chị T về những mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh có ý kiến như sau: anh đồng ý ly hôn chị Nguyễn Thị Bích T; Về con chung: Dương Gia T1, sinh ngày 18/10/2015, anh đồng ý nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con; Về quan hệ tài sản: anh và chị T không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại Biên bản lấy lời khai ngày 05/12/2023 cháu Dương Gia T1 trình bày:* cha cháu tên Dương Hoài L, mẹ cháu tên Nguyễn Thị Bích T; cha mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng sống với cha.

- *Tại phiên tòa*:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

+ Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích T. Về quan hệ hôn nhân: chị T được ly hôn anh Dương Hoài L; Về con chung: giao cháu Dương Gia T1, sinh ngày 18/10/2015 cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng; chị T chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở; Về quan hệ tài sản: không tranh chấp nên không đặt ra xem xét giải quyết; Về án phí buộc

chị T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, chị T được khấu trừ tiền tạm ứng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị Bích T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Dương Hoài L, anh L có nơi cư trú thuộc huyện B nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý và giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập bị đơn anh Dương Hoài L tham gia phiên tòa giải quyết vụ án nhưng anh L vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Dương Hoài L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T là có cơ sở. Bởi lẽ quá trình chung sống anh chị bất đồng quan điểm với nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không còn hạnh phúc. Anh chị không còn sống chung từ năm 2018 đến nay; từ lâu đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Hiện mỗi người đều có cuộc sống riêng không còn quan tâm đến nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh L, chị yêu cầu được ly hôn; anh L đồng ý ly hôn chị T. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn anh L là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Dương Gia T1, sinh ngày 18/10/2015.

Chị T yêu cầu giải quyết cho anh L được quyền nuôi con. Xét thấy từ khi chị T và anh L không còn sống chung, anh L là người trực tiếp nuôi con, cuộc sống của con vẫn được đảm bảo; cháu T1 có nguyện vọng sống với cha; đồng thời anh L đồng ý tiếp tục nuôi con. Do đó Hội đồng xét xử xem xét giao con cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo quy định của pháp luật thì người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, tuy nhiên anh L không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản: Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Dương Hoài L không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bích T và anh Dương Hoài L.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung Dương Gia T1, sinh ngày 18/10/2015 cho anh Dương Hoài L trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: anh L không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Bích T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Dương Gia T1 được sống chung với anh Dương Hoài L.

Chị Nguyễn Thị Bích T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; đồng thời người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về chia tài sản: Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Dương Hoài L không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* do chị T nộp theo biên lai thu số 0013181 ngày 03/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân. Vậy chị T đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Kim Ngân

Nơi nhận:
- TAND T. Vĩnh Long;
- VKSND H. Bình Tân;
- Chi cục THADS H. Bình Tân;
- UBND xã T, Bình Tân, Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu.